

**DANH SÁCH SINH VIÊN**  
**DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2023**

| STT | Mã SV   | Họ đệm          | Tên   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Ngành  | STC TL | TBC TL | Xếp loại TN |
|-----|---------|-----------------|-------|-----------|---------|-----------|------------|-------------------|--|--------|--------|-------------|
| 1   | 1500024 | LƯƠNG THẾ       | ANH   | Nam       | Kinh    |           | 12/05/1995 | Tỉnh Hậu Giang    | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150    | 2.34   | Trung bình  |
| 2   | 1700599 | BATES PHƯỚC     | TÀI   | Nam       | Kinh    | Anh       | 04/9/1999  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 151    | 2.52   | Khá         |
| 3   | 1700359 | HỒ THANH        | UY    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 12/5/1999  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150    | 2.73   | Khá         |
| 4   | 1800142 | Nguyễn Phúc     | Hậu   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 09/10/2000 | Tỉnh Sóc Trăng    | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150    | 2.36   | Trung bình  |
| 5   | 1800231 | Tạ Đình Trung   | Hậu   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 07/5/2000  | Tỉnh Sóc Trăng    | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150    | 2.24   | Trung bình  |
| 6   | 1800645 | Huỳnh Phước     | Tiền  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 06/9/2000  | Tỉnh An Giang     | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150    | 2.56   | Khá         |
| 7   | 1800153 | Lê Minh         | Ẩn    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/01/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.72   | Khá         |
| 8   | 1800124 | Nguyễn Thế      | Anh   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 27/6/2000  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.52   | Khá         |
| 9   | 1800230 | Lê Minh         | Cường | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 29/9/2000  | Tỉnh An Giang     | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.24   | Trung bình  |
| 10  | 1800225 | Phạm Gia        | Huy   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/11/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.39   | Trung bình  |
| 11  | 1800366 | Quách Hưng      | Huy   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 26/10/2000 | Tỉnh Cà Mau       | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.49   | Trung bình  |
| 12  | 1800450 | Lê Quốc         | Huỳnh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/4/2000  | Tỉnh Cà Mau       | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.33   | Trung bình  |
| 13  | 1800161 | Đặng Đăng       | Khoa  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 08/6/2000  | Tỉnh Sóc Trăng    | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.52   | Khá         |
| 14  | 1800007 | Nguyễn Trung    | Kiên  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/4/2000  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151    | 2.31   | Trung bình  |
| 15  | 1800658 | Lê Trung        | Tín   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/9/1999  | Tỉnh Bạc Liêu     | Công nghệ sinh học                           | 150    | 2.21   | Trung bình  |
| 16  | 1600520 | Trần Nguyễn Tấn | Đạt   | Nam       | Kinh    |           | 13/5/1998  | Tỉnh Đồng Tháp    | Công nghệ thực phẩm                          | 150    | 2.13   | Trung bình  |
| 17  | 1800283 | Nguyễn Thanh    | Toàn  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/12/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ thực phẩm                          | 150    | 2.40   | Trung bình  |
| 18  | 1800759 | Bạch Tuấn       | Kiệt  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 08/12/2000 | Thành phố Cần Thơ | Hệ thống thông tin                           | 150    | 2.33   | Trung bình  |
| 19  | 1800585 | Nguyễn Ngọc     | Ngân  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/9/2000  | Tỉnh Cà Mau       | Hệ thống thông tin                           | 150    | 2.78   | Khá         |
| 20  | 1800704 | Vũ Văn Tiến     | Dũng  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 27/3/2000  | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính                            | 152    | 2.39   | Trung bình  |
| 21  | 1800094 | Nguyễn Trường   | Giang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/7/2000  | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp                | 150    | 2.73   | Khá         |
| 22  | 1800821 | Hồ Hoàng        | Kiểm  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/12/1999 | Tỉnh Sóc Trăng    | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp                | 150    | 2.64   | Khá         |
| 23  | 1500026 | HUỲNH TẤN       | ĐẠT   | Nam       | Kinh    |           | 10/09/1997 | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.09   | Trung bình  |
| 24  | 1800112 | Nguyễn Gia      | Khang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 19/10/2000 | Tỉnh Trà Vinh     | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 3.59   | Giỏi        |
| 25  | 1800252 | Nguyễn Đức      | Khôi  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 17/9/2000  | Tỉnh Vĩnh Long    | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.76   | Khá         |
| 26  | 1800662 | Nguyễn Hữu      | Lợi   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 31/8/2000  | Tỉnh An Giang     | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.94   | Khá         |
| 27  | 1800725 | Trần Phi        | Nhung | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/02/1999 | Tỉnh Bạc Liêu     | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.46   | Trung bình  |
| 28  | 1800447 | Trương Thị Kiều | Oanh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/4/2000  | Tỉnh An Giang     | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.93   | Khá         |
| 29  | 1700585 | LÊ CHÍ          | VĨ    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 27/9/1999  | Tỉnh Kiên Giang   | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.82   | Khá         |
| 30  | 1800635 | Phạm Như        | Ý     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/12/1999 | Tỉnh Cà Mau       | Kỹ thuật phần mềm                            | 150    | 2.52   | Khá         |
| 31  | 1800513 | Phạm Thanh      | Thiên | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/02/2000 | Thành phố Cần Thơ | Quản lý xây dựng                             | 150    | 2.50   | Khá         |
| 32  | 1800321 | Tăng Minh       | Triều | Nam       | Khmer   | Việt Nam  | 21/10/2000 | Tỉnh Sóc Trăng    | Quản lý xây dựng                             | 150    | 2.52   | Khá         |

**DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 13.9.2023**

|    |         |              |        |     |      |          |           |                   |  |     |      |            |
|----|---------|--------------|--------|-----|------|----------|-----------|-------------------|--|-----|------|------------|
| 33 | 1800832 | Trần Ngọc    | Đình   | Nam | Kinh | Việt Nam | 02/3/2000 | Tỉnh Bến Tre      | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                | 152 | 2.73 | Khá        |
| 34 | 1800036 | Trần Văn     | Nam    | Nam | Kinh | Việt Nam | 15/5/2000 | Tỉnh An Giang     | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                | 152 | 2.81 | Khá        |
| 35 | 1800512 | Nguyễn Trọng | Tín    | Nam | Kinh | Việt Nam | 09/9/2000 | Tỉnh Bạc Liêu     | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                | 152 | 2.62 | Khá        |
| 36 | 1800598 | Huỳnh Phước  | Long   | Nam | Kinh | Việt Nam | 11/6/2000 | Tỉnh Trà Vinh     | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150 | 2.47 | Trung bình |
| 37 | 1800545 | Nguyễn Thanh | Phong  | Nam | Kinh | Việt Nam | 24/8/2000 | Tỉnh An Giang     | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150 | 2.59 | Khá        |
| 38 | 1700349 | ĐẶNG TRONG   | PHÚC   | Nam | Kinh | Việt Nam | 26/9/1999 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150 | 2.41 | Trung bình |
| 39 | 1800076 | Nguyễn Nhật  | Trường | Nam | Kinh | Việt Nam | 05/4/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150 | 2.62 | Khá        |
| 40 | 1800398 | Đỗ Khánh     | Duy    | Nam | Hoa  | Việt Nam | 09/6/2000 | Tỉnh Sóc Trăng    | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150 | 2.44 | Trung bình |
| 41 | 1800121 | Phạm Thanh   | Thiện  | Nam | Kinh | Việt Nam | 13/6/2000 | Tỉnh Sóc Trăng    | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150 | 3.11 | Khá        |
| 42 | 1800815 | Phạm Đức     | Thanh  | Nam | Kinh | Việt Nam | 06/7/2000 | Tỉnh Đồng Tháp    | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151 | 2.45 | Trung bình |

| STT | Mã SV   | Họ đệm         | Tên   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Ngành  | STC TL | TBC TL | Xếp loại TN |
|-----|---------|----------------|-------|-----------|---------|-----------|------------|-------------------|--|--------|--------|-------------|
| 43  | 1800244 | Võ Phước       | Thanh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 08/5/2000  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 152    | 2.89   | Khá         |
| 44  | 1700032 | LẠI THỊ KIM    | NGÂN  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/12/1999 | Tỉnh An Giang     | Công nghệ thực phẩm                          | 150    | 2.27   | Trung bình  |
| 45  | 1700003 | PHAN THỊ HUYỀN | TRẦN  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/01/1998 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ thực phẩm                          | 150    | 2.20   | Trung bình  |
| 46  | 1800778 | Ngô Văn Trung  | Tính  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 25/11/2000 | Tỉnh Sóc Trăng    | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp                | 150    | 2.25   | Trung bình  |
| 47  | 1800803 | Nguyễn Hoàng   | Tiến  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/01/2000 | Thành phố Cần Thơ | Quản lý xây dựng                             | 150    | 2.50   | Khá         |
| 48  | 1800776 | Võ Văn         | Vốn   | Nam       | Kinh    | Việt nam  | 05/5/2000  | Tỉnh Bạc Liêu     | Quản lý xây dựng                             | 150    | 2.40   | Trung bình  |

### DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 15.9.2023

|    |         |                |      |     |      |          |            |                   |  |     |      |            |
|----|---------|----------------|------|-----|------|----------|------------|-------------------|--|-----|------|------------|
| 49 | 1800775 | Trần Gia       | Bảo  | Nam | Kinh | Việt nam | 14/02/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 150 | 2.43 | Trung bình |
| 50 | 1800320 | Lê Nguyễn Đức  | Huy  | Nam | Kinh | Việt Nam | 21/02/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 150 | 2.49 | Trung bình |
| 51 | 1800558 | Cao Thanh      | Hoài | Nam | Kinh | Việt Nam | 20/9/2000  | Tỉnh Vĩnh Long    | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151 | 2.26 | Trung bình |
| 52 | 1700384 | ĐÀO TRỌNG      | PHÚC | Nam | Kinh | Việt Nam | 14/3/1999  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 152 | 2.24 | Trung bình |
| 53 | 1500521 | HỒ MINH PHƯƠNG | THẢO | Nữ  | Kinh |          | 08/05/1997 | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật phần mềm                            | 150 | 2.73 | Khá        |

### DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 22.9.2023

|    |         |              |       |     |      |          |            |                   |  |     |      |            |
|----|---------|--------------|-------|-----|------|----------|------------|-------------------|--|-----|------|------------|
| 54 | 1500847 | LÊ BÁ THÀNH  | NHÂN  | Nam | Kinh |          | 23/10/1997 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                | 150 | 2.49 | Trung bình |
| 55 | 1500907 | NGUYỄN THANH | TÙNG  | Nam | Kinh |          | 19/06/1997 | Tỉnh An Giang     | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng       | 151 | 2.34 | Trung bình |
| 56 | 1800522 | Nguyễn Hoàng | Vũ    | Nam | Kinh | Việt Nam | 15/10/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 151 | 2.46 | Trung bình |
| 57 | 1800213 | Nguyễn Hữu   | Khánh | Nam | Kinh | Việt Nam | 10/12/2000 | Tỉnh Kiên Giang   | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151 | 2.43 | Trung bình |
| 58 | 1700410 | HUỲNH TẤN    | TÀI   | Nam | Kinh | Việt Nam | 22/7/1998  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 151 | 2.46 | Trung bình |
| 59 | 1800843 | Phạm Tấn     | Đạt   | Nam | Kinh | VN       | 23/5/2000  | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ sinh học                           | 150 | 2.55 | Khá        |
| 60 | 1700746 | NGUYỄN CÔNG  | THÀNH | Nam | Kinh | Việt Nam | 04/02/1999 | Thành phố Cần Thơ | Hệ thống thông tin                           | 152 | 2.80 | Khá        |